UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ HỮU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2833 /QĐ-UBND	*Phú Hữu, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung xã Phú Hữu, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/5000

Mã số thông tin quy hoạch: 912612000001

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ HỮU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn sửa đổi, bổ sung ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 1654/NQ-UBTVQH15 năm 2025 được ban hành ngày 01/7/2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2026/NĐ-CP; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-TTg ngày 04/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050.

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15-11-2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch 135/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai lập nhiệm vụ, quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch 282/KH-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh An Giang Về việc điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai lập nhiệm vụ, quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 17/7/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang về đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Căn cứ Công văn số 553/UBND-KT ngày 31/10/2025 của UBND xã Phú Hữu về việc chấp thuận chủ trương lập mới Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Hữu;

Căn cứ Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện An Phú về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện An Phú về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND huyện An Phú về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND xã Phú Hữu Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Phú Hữu, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/5.000 và tổng dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Hữu, tỉnh An Giang đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 49-TB/ĐU ngày 21/8/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy xã Phú Hữu về việc Thông báo kết luận hội nghị Ban thường vụ Đảng ủy tháng 08 năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã Phú Hữu tại Tờ trình số 316/TTr-PKT ngày 24/9/2026 và báo cáo thẩm định số 136/PKT-TĐQH ngày 24/9/2026 của Phòng Kinh tế xã Phú Hữu về kết quả thẩm định Quy hoạch chung xã Phú Hữu, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/5000.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xã Phú Hữu, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/5000 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô, thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi lập quy hoạch

Khu vực lập Quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Phú Hữu mới (trên cơ sở sáp nhập của toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú Hữu, xã Vĩnh Lộc và một phần xã Phước Hưng cũ). Có phạm vi tứ cận lập quy hoạch như sau:

+ Phía Đông: giáp xã Vĩnh Xương;

+ Phía Tây: giáp sông Hậu, một phần xã Nhơn Hội, một phần xã An Phú và một phần xã Vĩnh Hậu;

+ Phía Nam: giáp xã Vĩnh Hậu;

+ Phía Bắc: giáp phường Prek Chrey, thành phố Sampeou, tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia, một phần xã Vĩnh Xương và một phần xã Nhơn Hội.

1.2. Quy mô lập quy hoạch

Tổng diện tích xã là: **8.140 ha** (Tương đương khoảng 81,40 km^2).

Quy mô dân số hiện trạng: **42.710 người** *(Theo dữ liệu dân cư Quốc gia do Bộ Công an quản lý và Nghị quyết 202/2025/QH15, Nghị quyết 1654/NQ-UBTVQH15 năm 2025 được ban hành ngày 01/7/2025, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phú Hữu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Theo dữ liệu của Thống kê tỉnh An Giang tại Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 81/TKT-NNXH ngày 31/10/2025 dân số trung bình của xã Phú Hữu năm 2025 là* ***25.702 người.)***, mật độ dân số đạt 525 người/km^2.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030.

- Giai đoạn trung hạn: đến năm 2035

- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch

2.1. Quan điểm quy hoạch

Phát triển xã Phú Hữu phù hợp chủ trương, định hướng của Trung ương và tỉnh An Giang, kế thừa Quy hoạch tỉnh; phát huy vai trò địa bàn động lực của tiểu vùng phía Bắc An Giang, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới.

Phát triển kinh tế theo hướng xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao, lấy nông nghiệp chất lượng cao làm nền tảng, phát triển thương mại - dịch vụ, kinh tế biên mậu, kinh tế ven sông và từng bước hình thành các động lực tăng trưởng mới.

Phát huy tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, tín ngưỡng - văn hóa và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, gắn khai thác cảnh quan, hệ sinh thái và bản sắc địa phương với bảo tồn tài nguyên, văn hóa và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

Tổ chức không gian phát triển thống nhất sau sáp nhập, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường kết nối giữa khu dân cư, vùng sản xuất, khu thương mại - dịch vụ, khu vực biên giới và các không gian sinh thái, lấy phát triển hạ tầng làm nền tảng.

Lấy con người và chất lượng sống làm trung tâm; đẩy mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn; tăng cường liên kết vùng, xúc tiến và huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển.

2.2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Định hình chiến lược phát triển xã Phú Hữu trên cơ sở kế thừa quy hoạch chung của các xã trước sáp nhập, phù hợp định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang; phát huy lợi thế cửa ngõ biên giới, giao thương với Campuchia và tiểu vùng Mekong, đồng thời khai thác tiềm năng về nông nghiệp, kinh tế biên mậu, du lịch sinh thái, tín ngưỡng - văn hóa và dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Tổ chức không gian phát triển đồng bộ, phân vùng hợp lý, tăng cường kết nối hạ tầng và liên kết vùng; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và cảnh quan, bảo đảm quốc phòng - an ninh, thích ứng biến đổi khí hậu, hướng tới xây dựng xã Phú Hữu phát triển nhanh, bền vững và có bản sắc đến năm 2050.

b) Mục tiêu ngắn hạn đến năm 2030

Về kinh tế - xã hội: Tạo nền tảng hình thành trung tâm kinh tế tổng hợp của tiểu vùng phía Bắc An Giang; ưu tiên phát triển kinh tế biên mậu, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp hàng hóa, bước đầu khai thác du lịch sinh thái, tín ngưỡng - văn hóa và dịch vụ chăm sóc sức khỏe; nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống người dân.

Về không gian: Hoàn thiện cấu trúc không gian phát triển sau sáp nhập, kế thừa các quy hoạch còn phù hợp; xác định rõ các khu vực dân cư, sản xuất nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch, công cộng và sinh thái, hạn chế phát triển dàn trải.

Về hạ tầng: Ưu tiên hoàn thiện các tuyến giao thông kết nối trung tâm xã, khu dân cư, vùng sản xuất và khu vực biên giới; từng bước nâng cấp hệ thống cấp nước, thoát nước, điện, viễn thông và hạ tầng xã hội thiết yếu, đáp ứng nhu cầu phát triển đến năm 2030.

Về môi trường: Bảo vệ hệ thống sông, kênh, rạch, hành lang thoát nước và các không gian sinh thái; kiểm soát ô nhiễm, chất thải và san lấp mặt nước; chủ động phòng, chống ngập lụt và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Mục tiêu trung hạn 2035

Về kinh tế - xã hội: Củng cố vai trò đầu mối kinh tế, thương mại và dịch vụ của tiểu vùng phía Bắc An Giang, phát triển kinh tế biên mậu gắn với logistics và lưu thông nông sản; hình thành các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng Mùa nước nổi và dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp với lợi thế địa phương.

Về không gian: Hình thành rõ các khu vực phát triển trung tâm, dân cư, sản xuất, thương mại - dịch vụ, du lịch và sinh thái; tăng cường liên kết không gian giữa khu vực biên giới, trung tâm xã, các vùng sản xuất và các điểm có tiềm năng phát triển.

Về hạ tầng: Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo hướng đồng bộ; nâng cao năng lực giao thông, cấp nước, thoát nước, điện, viễn thông và xử lý chất thải, đáp ứng yêu cầu phát triển dân cư, sản xuất và dịch vụ.

Về môi trường: Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm; bảo vệ cảnh quan, hệ sinh thái sông nước và không gian xanh; tăng cường các giải pháp chống ngập, thích ứng biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng.

d) Mục tiêu dài hạn đến năm 2050

Về kinh tế - xã hội: Hình thành rõ nét vai trò trung tâm kinh tế tổng hợp và đầu mối giao thương biên giới của tiểu vùng phía Bắc An Giang; phát triển đồng bộ kinh tế biên mậu, thương mại - dịch vụ, logistics, nông nghiệp giá trị cao, du lịch sinh thái, tín ngưỡng - văn hóa và dịch vụ chăm sóc sức khỏe; nâng cao chất lượng sống và sức cạnh tranh của địa phương.

Về không gian: Hoàn thiện cấu trúc không gian phát triển đồng bộ, liên kết giữa trung tâm xã, khu dân cư, vùng sản xuất, khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch và các không gian sinh thái; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cân bằng giữa phát triển và bảo tồn cảnh quan.

Về hạ tầng: Cơ bản hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội hiện đại, đồng bộ, kết nối với mạng lưới giao thông các xã lân cận trong khu vực; bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển dân cư, sản xuất, thương mại, dịch vụ và du lịch.

Về môi trường: Xây dựng không gian phát triển sinh thái, an toàn và thích ứng cao với biến đổi khí hậu; bảo vệ hệ thống sông, kênh, rạch, cảnh quan và các giá trị sinh thái; hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý chất thải và các giải pháp phòng, chống ngập, hướng tới phát triển bền vững.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

- Là xã biên giới có vị trí địa - chính trị và địa - quân sự đặc biệt quan trọng thuộc tiểu vùng phía Bắc tỉnh An Giang. Đây là khu vực phòng thủ then chốt, giữ vai trò chiến lược trong việc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững

an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

- Là khu vực mang tính chất nông thôn vùng đồng bằng, tận dụng lợi thế đặc trưng của vùng sinh thái sông nước *(hệ thống sông rạch lớn, chế độ triều cường tự nhiên và nguồn phù sa dồi dào từ thượng nguồn sông Hậu)*. Định hướng hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và kinh tế biên mậu.

- Nằm trong hành lang kinh tế trọng điểm kết nối vùng phía Bắc tỉnh An Giang với quốc gia và các nước láng giềng (Campuchia). Xã đóng vai trò là địa bàn kết nối 2 cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương và Khánh Bình, là mắt xích quan trọng hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng logistic vùng biên, đồng thời thúc đẩy chuỗi liên kết du lịch sinh thái sông nước - văn hóa lịch sử của địa phương.

- Là khu vực kết nối giao thoa trên trục chuỗi đô thị tiểu vùng phía Bắc tỉnh An Giang. Trong bối cảnh điều chỉnh quy hoạch tỉnh và tinh gọn bộ máy hành chính, Phú Hữu giữ tính chất là vùng đệm sinh thái, trục kết nối hạ tầng kỹ thuật khung đồng bộ, thích ứng linh hoạt với các biến động không gian đô thị và định hướng phát triển nông thôn mới kiểu mẫu bền vững.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

4.1. Quy mô dân số

- Quy mô dân số hiện trạng toàn xã năm 2026: 42.710 người.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2030: 52.649 người.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2035: 61.701 người.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2050: 74.024 người.

4.2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Chỉ tiêu đất xây dựng công trình nhà ở tối thiểu đạt: 25m^2/người.

- Chỉ tiêu đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu đạt: 5m^2/người.

- Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng đạt: 2m^2/người.

- Chỉ tiêu đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật tối thiểu đạt: 5m^2/người.

5. Định hướng phát triển không gian

5.1. Khu dân cư nông thôn

Đối với các cụm, tuyến dân cưu hiện hữu: khuyến khích cải tạo, chỉnh trang kiến trúc nhà ở theo hướng phù hợp điều kiện tự nhiên, thích ứng cảnh quang nông thôn và biến đổi khí hậu; bảo đảm mỹ quan, an toàn và đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

Đối với các cụm, tuyến dân cư xây dựng mới: xây dựng các cụm, tuyến dân cư mới hiện đại, đồng bộ, kết nối hài hoà với các khu, tuyến dân cư hiện trạng. Bố trí mới các công trình công cộng như trường học, công viên, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của người dân trong khu vực.

5.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp

Khu vực sản xuất nông nghiệp truyền thống: Tổ chức cảnh quan theo cấu trúc đồng ruộng, kênh, rạch, giao thông, cụm dân cư, ưu tiên bảo vệ quỹ đất trồng lúa, duy trì và nhân rộng diện tích đất trồng lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng Sông cửu Long đến năm 2030 theo đề án phát triển bền vững 1 triệu hecta lúa; hệ thống thủy lợi và cảnh quan nông nghiệp đặc trưng; kiểm soát xây dựng phân tán, kết hợp khai thác giá trị sinh thái, văn hóa và trải nghiệm nông nghiệp.

Khu vực sản xuất chuyên canh cây ăn trái: Bảo tồn và phát huy cấu trúc vườn cây, kênh, rạch, giao thông, cụm dân cư, duy trì cảnh quan vườn cây đặc trưng; kết hợp phát triển không gian trải nghiệm, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng gắn với sản xuất nông nghiệp.

5.3. Khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ

Khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tổ chức không gian sản xuất gắn với liền với vùng nguyên liệu, đầu mối giao thông và hạ tầng trung chuyển; ưu tiên chế biến, bảo quản nông sản và các ngành nghề phục vụ sản xuất; kiểm soát mật độ xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, bảo đảm hài hòa với khu dân cư và cảnh quan nông thôn.

Khu vực thương mại dịch vụ: phát triển chủ yếu tại khu vực trung tâm xã, cụm dân cư, các nút giao thông và tuyến kết nối chính, gắn với thương mại biên giới và dịch vụ dân cư; chú trọng về thiết kế kiến trúc hài hoà, kết hợp phát triển các điểm dịch vụ, du lịch sinh thái và tạo điểm nhấn cảnh quan đô thị - nông thôn.

5.4. Hệ thống trung tâm cấp xã

Tổ chức không gian tập trung các chức năng thương mại dịch vụ, cụm công trình trung tâm văn hóa, quảng trường công viên và các thiết chế thể dục thể thao, tạo hạt nhân phát triển và điểm nhấn cảnh quan của xã. Chú trọng thiết kế kiến trúc, mật độ xây dựng tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch; ưu tiên thiết kế và duy trì chất lượng cảnh quan trong khu vực.

Khuyến khích hệ thống kết nối các không gian công cộng, ưu tiên cây xanh, mặt nước và không gian sinh hoạt cộng đồng, nâng cao chất lượng sống và bản sắc địa phương.

5.5. Khu chức năng cấp quốc gia, cấp Tỉnh theo quy hoạch Vùng, quy hoạch Tỉnh và quy hoạch Ngành

Trên địa bàn xã bố trí các công trình, hạ tầng kỹ thuật và hành lang phát triển theo định hướng của quy hoạch cấp trên, trong đó có các tuyến giao thông đối ngoại như cầu An Phú – Phú Hữu, cầu Phú Hữu – Đồng Đức, ĐT.950, hành lang tuyến điện 110kV và kho dự trữ lương thực quốc gia.

5.6. Khu vực bảo tồn và hạn chế phát triển

Tổ chức và bảo vệ hành lang sông, kênh, rạch và các khu vực có giá trị sinh thái, cảnh quan, đặc biệt là khu vực ven sông Hậu; hạn chế xây dựng và kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các khu vực có nguy cơ

ngập lụt, sạt lở và chịu tác động của dòng chảy.

Ưu tiên duy trì không gian mặt nước, cây xanh và hành lang thoát lũ, kết hợp các giải pháp sinh thái và phòng chống sạt lở, bảo đảm an toàn dân cư và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Định hướng sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn

6.1. Giai đoạn ngắn hạn, đến năm 2030

- Đất xây dựng khoảng 639,54 ha, chiếm tỷ lệ 7,86% (trong đó gồm các loại đất ở, đất công cộng, đất cây xanh, thể dục thể thao, đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền, đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, đất xây dựng chức năng khác, đất hạ tầng kỹ thuật, đất hạ tầng phục vụ sản xuất).

- Đất nông nghiệp khoảng 7139,57 ha, chiếm tỷ lệ 87,71% (trong đó gồm các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất nông nghiệp khác).

- Đất khác khoảng 360,89 ha, chiếm tỷ lệ 4,43% (trong đó gồm các loại đất sông ngòi, kênh rạch, suối, mặt nước chuyên dùng và đất chưa sử dụng).

6.2. Giai đoạn trung hạn, đến năm 2035

- Đất xây dựng khoảng 692,20 ha, chiếm tỷ lệ 8,50% (trong đó gồm các loại đất ở, đất công cộng, đất cây xanh, thể dục thể thao, đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền, đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, đất xây dựng chức năng khác, đất hạ tầng kỹ thuật, đất hạ tầng phục vụ sản xuất).

- Đất nông nghiệp khoảng 7086,91 ha, chiếm tỷ lệ 87,07% (trong đó gồm các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất nông nghiệp khác).

- Đất khác khoảng 360,89 ha, chiếm tỷ lệ 4,43% (trong đó gồm các loại đất sông ngòi, kênh rạch, suối, mặt nước chuyên dùng và đất chưa sử dụng).

6.3. Giai đoạn dài hạn, đến năm 2050

- Đất xây dựng khoảng 771,3 ha, chiếm tỷ lệ 9,48 % (trong đó gồm các loại đất ở, đất công cộng, đất cây xanh, thể dục thể thao, đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền, đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, đất xây dựng chức năng khác, đất hạ tầng kỹ thuật, đất hạ tầng phục vụ sản xuất).

- Đất nông nghiệp khoảng 7.007,78 ha, chiếm tỷ lệ 86,09 % (trong đó gồm các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất nông nghiệp khác).

Đất khác khoảng 360,89 ha, chiếm tỷ lệ 4,43% (trong đó gồm các loại đất sông ngòi, kênh rạch, suối, mặt nước chuyên dùng).

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại

Giao thông đường bộ: Phát triển mạng lưới giao thông đối ngoại theo hướng tăng cường liên kết giữa xã Phú Hữu với xã Vĩnh Hậu, xã Nhơn Hội và khu vực cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, Campuchia thông qua ĐT.950, cầu qua sông Hậu kết nối với QL.91C và các tuyến đường liên xã.

Giao thông đường thuỷ: Khai thác hiệu quả tuyến sông Hậu, phát triển vận tải thủy và tăng cường kết nối với mạng lưới giao thông thủy nội địa vùng Đồng Bằng sông Cửu Long. Duy trì, nâng cấp các tuyến vận tải thủy phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản và vật tư sản xuất. Kết nối với xã An Phú, xã Vĩnh Xương, các địa phương ven sông Hậu, cảng, bến thủy nội địa và các đầu mối logistics.

b) Giao thông đối nội

Giao thông đường bộ

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông nội bộ theo mô hình liên kết đồng bộ giữa khu trung tâm xã, khu dân cư Vĩnh Lộc cũ và Vĩnh Hưng; bảo đảm kết nối thuận lợi đến các khu dân cư, công trình công cộng, khu sản xuất nông nghiệp và khu vực ven sông.

- Nâng cấp các tuyến đường trục chính xã, đường liên ấp, đường giao thông nông thôn theo tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp; ưu tiên bê tông hóa và mở rộng mặt đường tại các khu vực phát triển dân cư tập trung.

- Từng bước chỉnh trang và hoàn thiện hệ thống vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng công cộng và thoát nước dọc các tuyến giao thông trung tâm.

Giao thông đường thuỷ: Cải tạo và khai thác hiệu quả hệ thống kênh rạch nội đồng phục vụ giao thông thủy kết hợp thủy lợi và tiêu thoát nước. Duy trì hoạt động của các bến đò dân sinh hiện hữu; từng bước nâng cấp, bảo đảm an toàn giao thông thủy và nhu cầu đi lại của người dân. Kết hợp phát triển giao thông thủy với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và khai thác cảnh quan ven sông Hậu.

c) Các công trình giao thông

Giao thông bộ: Đầu tư các cầu kết nối xã Phú Hữu với Xã Nhơn Hội, xã Phú Hữu với quốc lộ 110 tỉnh Kandal (Vương quốc Campuchia): Cầu An Phú - Phú Hữu, cầu Sông Hậu –Đồng Đức trên tuyến ĐT.950 và cầu Phú Hữu.

Giao thông thuỷ: Nâng cấp bến khách ngang sông Hậu, kênh Bảy Xã và các bến đò dân sinh hiện hữu nhằm bảo đảm an toàn giao thông thủy. Xây dựng các điểm neo đậu ghe tàu, bến thủy nội địa và điểm trung chuyển hàng hóa phục vụ vận tải nông sản và thương mại ven sông Hậu.

7.2. Định hướng phát triển cao độ nền, thoát nước mưa

a) San nền

Cao độ nền xây dựng được khống chế cao hơn Hmax tối thiểu khoảng 0,3 - 0,5 m để bảo đảm an toàn thoát nước và dự phòng biến đổi khí hậu.

b) Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được tổ chức theo nguyên tắc tự chảy, kết hợp hệ thống cống, mương hở và kênh rạch tự nhiên hiện hữu; hướng thoát chính ra sông Hậu và các tuyến kênh nội đồng.

7.3. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

a) Chỉ tiêu cấp nước

- Đến năm 2030: 60 l/người/ngđ
- Đến năm 2035: 100 l/người/ngđ
- Đến năm 2050: 120 l/người/ngđ.

b) Nhu cầu dùng nước

- Đến năm 2030: khoảng 6.000 m^3/ngđ;
- Đến năm 2035: Khoảng 11.000 m^3/ngđ;
- Đến năm 2050: Khoảng 16.000 m^3/ngđ.

c) Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

Nguồn cấp nước chính cho xã Phú Hữu được khai thác từ nguồn nước mặt sông Hậu thông qua nhà máy cấp nước được đầu tư xây dựng mới và trạm cấp nước nông thôn hiện hữu; từng bước nâng cấp công suất để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phát triển đô thị.

Tiếp tục khai thác và nâng cấp các trạm cấp nước hiện hữu làm công trình cấp nước đầu mối chính cho khu trung tâm xã và các khu dân cư lân cận. Xây dựng mới nhà máy nước Phú Hữu đảm bảo công suất phục vụ nhân dân *(tại khu vực ấp Phú Thạnh, xã Phú Hữu)* nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn phát triển mới.

Quy hoạch mạng lưới cấp nước theo dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh: đối với các khu vực dân cư mới, khu thương mại - dịch vụ và công trình công cộng, hệ thống cấp nước được đầu tư đồng bộ với giao thông và các hạ tầng kỹ thuật khác.

7.4. Định hướng phát triển hệ thống cung cấp năng lượng

a) Nhu cầu dùng điện:

- Đến năm 2030: 12.910 kVA;
- Đến năm 2035: 18.686 kVA;
- Đến năm 2050: 34.400 kVA.

b) Định hướng phát triển hệ thống cung cấp năng lượng

Nguồn điện cấp cho xã Phú Hữu được lấy từ lưới điện quốc gia thông qua hệ thống điện 110 kV khu vực An Phú – Tân Châu – Châu Đốc; bảo đảm cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt, thương mại – dịch vụ, công cộng và sản xuất nông nghiệp.

Từng bước đầu tư bổ sung các trạm biến áp tại khu vực phát triển dân cư mới, khu thương mại – dịch vụ và các khu vực có nhu cầu sử dụng điện cao. Quy hoạch mạng lưới cấp điện trung thế đồng bộ với quy hoạch giao thông và các hạ tầng kỹ thuật khác; tuyến điện trung thế bố trí dọc ĐT.950 và các tuyến đường trục xã.

7.5. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

a) Định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải

Chỉ tiêu nước thải: Lấy bằng 100% chỉ tiêu của các đối tượng dùng nước tương ứng (không bao gồm nước tưới cây, rửa đường, thất thoát)

Lưu lượng thoát nước thải:

- Đến năm 2030: khoảng 5.000 m^3/ngày đêm;
- Đến năm 2035: khoảng 9.000 m^3/ngày đêm;
- Đến năm 2050: khoảng 13.000 m^3/ngày đêm;

Định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải

Khu vực trung tâm xã Phú Hữu, khu thương mại – dịch vụ, công trình công cộng và các khu dân cư mới được ưu tiên đầu tư hệ thống thu gom nước thải tập trung. Đối với khu dân cư hiện hữu và khu vực phân tán, tiếp tục sử dụng bể tự hoại đạt chuẩn kết hợp thu gom, xử lý theo từng giai đoạn đầu tư.

Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải đồng bộ với hệ thống cấp nước, giao thông và các hạ tầng kỹ thuật khác nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

b) Định hướng quản lý chất thải rắn Chỉ tiêu chất thải rắn:

Chỉ tiêu chất thải rắn: 0,8 kg/người/ngđ

Khối lượng chất thải rắn:

- Đến năm 2030: khoảng 43 tấn/ngày đêm;
- Đến năm 2035: khoảng 50 tấn/ngày đêm;
- Đến năm 2050: khoảng 60 tấn/ngày đêm.

Định hướng quản lý chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Phú Hữu được thu gom và xử lý theo quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh An Giang; bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

c) Quản lý nghĩa trang

Chỉ tiêu diện tích đất nghĩa trang chỉ tiêu diện tích đất nghĩa trang tối thiểu: 0,04ha/ 1000 dân.

Quy mô diện tích đất nghĩa trang tối thiểu:

- Đến năm 2030: Khoảng 2,1 ha;
- Đến năm 2035: khoảng 2,5 ha;
- Đến năm 2050: khoảng 3,0 ha.

Định hướng quản lý nghĩa trang

Hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang được đầu tư đồng bộ gồm giao thông tiếp cận, thoát nước, cây xanh cách ly và bảo đảm khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường đối với khu dân cư và nguồn nước.

7.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

a) Tính toán nhu cầu thông tin liên lạc

Thuê bao điện thoại cố định:

- Đến năm 2030: 2.468 thuê bao;
- Đến năm 2050: 2.961 thuê bao.

Thuê bao điện thoại di động

- Đến năm 2030: 74.041 thuê bao;
- Đến năm 2050: 88.829 thuê bao.

Thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định (FTTH)

- Đến năm 2030: 23.446 thuê bao;
- Đến năm 2050: 28.129 thuê bao.

b) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

Phát triển hệ thống viễn thông và bưu chính trên địa bàn xã Phú Hựu theo hướng hiện đại, đồng bộ, an toàn, sử dụng chung hạ tầng và gắn với phát triển hạ tầng số, phù hợp với Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và định hướng chuyển đổi số quốc gia.

8. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo giai đoạn quy hoạch

8.1. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm xã mới, bao gồm các công trình hành chính, văn hóa, thương mại - dịch vụ và không gian công cộng.
- Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở nội trú liên cấp phục vụ nhu cầu học tập của địa phương và khu vực lân cận.
- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối trung tâm xã với các khu dân cư và khu vực sản xuất.
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
- Nâng cấp hệ thống cấp nước, thoát nước, điện chiếu sáng và các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.
- Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư, trường học, trạm y tế hiện hữu gắn với xây dựng nông thôn mới.

8.2. Giai đoạn trung hạn đến năm 2035 và dài hạn đến năm 2050

- Hoàn thiện các hạng mục chức năng trong khu trung tâm xã.
- Phát triển các công trình thương mại - dịch vụ phục vụ giao thương và phát triển kinh tế địa phương.
- Đầu tư các điểm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng gắn với hệ thống sông Hậu và mạng lưới kênh rạch.
- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch được duyệt.
- Đầu tư các công trình cây xanh, cảnh quan và bảo vệ môi trường nhằm nâng cao chất lượng không gian sống và phát triển bền vững.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Kiểm soát thu gom, xử lý chất thải từ khu dân cư nông thôn, khu dịch vụ thương mại, du lịch, cơ sở y tế, khu sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước. Phục hồi môi trường cảnh quan ven kênh rạch và nâng cao giá trị cảnh quan cây xanh mặt nước. Lồng ghép không gian mặt nước và hạ tầng xanh trong đô thị nhằm giảm thiểu tác động ngập úng và phát triển mật độ cao. Đồng bộ hạ tầng bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước thải kết nối về trạm xử lý nước thải tập trung đối với các cụm dân cư và phương hướng thu gom, xủ lý tại chỗ đối với tuyến dân cư và khu vực dân cư phân tán, đồng thời xây dựng kế hoạch giám sát định kỳ chất lượng nước mặt tại các kênh mương.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường do quá trình đầu tư xây dựng phát triển sản xuất kinh doanh, gia tăng hoạt động giao thông vận tải; đảm bảo hành lang xanh cách ly với khu dân cư.

- Phòng chống thiên tai thông qua phòng chống ngập lục và tiêu thoát nước, hoàn thiện hệ thống thoát nước, nạo vét kênh rạch, duy trì, nâng cấp đê bao, bảo vệ hành lang thoát lũ tự nhiên, phòng chống sạt lở bờ sông thông qua việc khoanh vùng nguy cơ sở lở, đầu tư các công trình kè bảo vệ, trồng cây xanh, bảo vệ thảm thực vật ven sông; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai thông qua nâng cấp hệ thống thông tin, cảnh báo, bố trí điểm sơ tán, tránh trú thiên tai, dự trữ vật tư, tuyên truyền và nâng cao nhận thức.

- Một số giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu chính gồm phát triển hệ thống cây xanh, mặt nước, không gian mở; khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, chủ động cập nhật các kịch bản biến đổi khí hậu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai, lưu trữ Quy hoạch chung xã Phú Hữu, tỉnh An Giang đến năm 2050, tỷ lệ 1/5000, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Văn hoá – Xã hội và các Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Uỷ ban MTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội;
- Chủ tịch và Các PCT. UBND xã;
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- Lãnh đạo VP HĐND và UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, PKT$_{lttoan}$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHÚ HỮU T. AN GIANG

Đào Văn Phi